

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/11/2022

“V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Minh.

2. Bà Trần Thị Kia.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 23/11/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2022 “Về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/11/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Lê N Y, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Thái A V, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; chỗ ở hiện nay: 1x HVT, Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Lê N Y trình bày: Chị Y và anh Thái A V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/5/2013 tại UBND phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp tính nhau, khác nhau về quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh V. Về con chung: Chị Y và anh V có một con chung là Thái Phương N, sinh ngày 07/7/2016. Chị Y đề nghị được nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Thái A V trình bày: Anh V và chị Y tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn như chị Y đã trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng không hiểu tính nhau, không thông cảm cho nhau nên có xảy ra mâu thuẫn, nhưng không đến mức phải ly hôn. Anh V mong muốn được hàn gắn để nuôi con nên không đồng ý ly hôn với chị Y. Về con chung: Anh V và chị Y có một con chung là Thái Phương N, sinh ngày 07/7/2016. Anh V đề nghị được nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đinh Lê N Y yêu cầu ly hôn với anh Thái A V, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ Tỏ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; chỗ ở hiện nay: 1x HVT, Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Lê N Y và anh Thái A V có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị Y và anh V đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị Y có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh V. Tổ dân phố C và UBND phường A đã có xác nhận về tình trạng mâu thuẫn của chị Y và anh V. Tại phiên tòa, cả hai đều không cố gắng gỡ bỏ mâu thuẫn để tiếp tục chung sống với nhau. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị Y cho rằng không còn tình cảm và vẫn cương quyết ly hôn với anh V. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh V.

[3] Về con chung: Chị Y và anh V có một con chung là Thái Phương N, sinh ngày 07/7/2016. Chị Y và anh V đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của con chung, từ trước đến nay cháu N được chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, cháu N hiện đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Đồng thời, chị Y có nơi cư trú ổn định, có đủ khả năng lao động và điều kiện để nuôi con. Vì vậy, cần giao cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thái Phương N là phù hợp. Chị Y không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn chị Đinh Lê N Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh Thái A V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Lê N Y.

- *Về hôn nhân*: Chị Đinh Lê N Y được ly hôn với anh Thái A V.

- *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Đinh Lê N Y được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thái Phương N, sinh ngày 07/7/2016, khi cháu N chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị Y không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí*: Chị Đinh Lê N Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0011898 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai; chị Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (23/11/2022), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- UBND phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đồng Ánh Đông